

UBND TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

SỞ Y TẾ

Số: /QĐ-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày tháng năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh phạm vi hoạt động chuyên môn, nhân sự tham gia khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh**

### GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

*Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;*

*Căn cứ Quyết định số 39/2023/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;*

*Xét Hồ sơ đề nghị điều chỉnh nhân sự, bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn (cắm ghép Implant) của Phòng khám Răng Hàm Mặt thuộc Chi nhánh Vũng Tàu - Công ty TNHH Nha khoa KIM; Giấy phép hoạt động số 1811/BRVT-GPHĐ cấp ngày 14 tháng 5 năm 2024. Hồ sơ điều chỉnh gửi Sở Y tế ngày 11 tháng 6 năm 2024 kèm Biên bản thẩm định bổ sung ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Sở Y tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Sở Y tế.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh nhân sự và bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn và danh mục kỹ thuật thuộc cho Phòng khám Răng Hàm Mặt thuộc Chi nhánh Vũng Tàu - Công ty TNHH Nha khoa KIM; địa chỉ số 101 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (đính kèm).

**Điều 2.** Trưởng phòng Nghiệp vụ Sở Y tế, người phụ trách chuyên môn kỹ thuật và Giám đốc Công ty TNHH Nha khoa KIM chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Giám đốc SYT;
- Các Phó Giám đốc SYT;
- Bộ phận TN&TKQ;
- Lưu: VT, NV.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Thái**

## PHỤ LỤC

(Đính kèm Quyết định số: /QĐ-SYT ngày ...../ /2024 của Sở Y tế)

### I - PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN BỔ SUNG

- Cây ghép nha khoa (Implant);
- Danh mục kỹ thuật Sở Y tế phê duyệt kèm theo./.

### II - DANH MỤC KỸ THUẬT

STT	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			TW	T	H	X
		<b>A- RĂNG</b>				
1.	2.	Phẫu thuật ghép xương tự thân để cấy ghép Implant	x	x		
2.	3.	Phẫu thuật ghép xương nhân tạo để cấy ghép Implant	x	x		
3.	4.	Phẫu thuật ghép xương hỗn hợp để cấy ghép Implant	x	x		
4.	5.	Phẫu thuật đặt xương nhân tạo và màng sinh học quanh Implant	x	x		
5.	6.	Phẫu thuật cấy ghép Implant	x	x		
6.	8.	Phẫu thuật nâng sàn xoang hàm sử dụng vật liệu nhân tạo để cấy ghép Implant	x	x		
7.	10.	Phẫu thuật tách xương để cấy ghép Implant	x	x		
8.	11.	Cấy ghép Implant tức thì sau nhổ răng	x	x		
9.	12.	Phẫu thuật tăng lợi sừng hóa quanh Implant	x	x		
10.	13.	Phẫu thuật đặt lưới Titanium tái tạo xương có hướng dẫn	x	x		
11.	14.	Máng hướng dẫn phẫu thuật cấy ghép Implant	x	x		
12.	17.	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng màng sinh học	x	x		
13.	18.	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng ghép xương đông khô	x	x		
14.	19.	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng ghép vật liệu thay thế xương	x	x		
15.	23.	Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương nhân tạo và đặt màng sinh học	x	x		
16.	33.	Phẫu thuật cắt lợi điều trị túi quanh răng	x	x		
17.	34.	Phẫu thuật vạt điều trị túi quanh răng	x	x		
18.	35.	Phẫu thuật nạo túi lợi	x	x		
19.	36.	Phẫu thuật tạo hình nhú lợi	x	x		
20.	37.	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại	x	x		
21.	38.	Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite	x	x		
22.	39.	Điều trị áp xe quanh răng cấp	x	x		

23.	40.	Điều trị áp xe quanh răng mạn	x	x		
24.	41.	Điều trị viêm quanh răng	x	x	x	
25.	42.	Chích áp xe lợi	x	x	x	x
26.	43.	Lấy cao răng	x	x	x	x
27.	50.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	x	x		
28.	52.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trục xoay cầm tay	x	x		
29.	54.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trục xoay máy	x	x		
30.	56.	Chụp tủy bằng MTA	x	x		
31.	57.	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi	x	x	x	
32.	58.	Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn	x	x		
33.	59.	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA	x	x		
34.	61.	Điều trị tủy lại	x	x		
35.	63.	Phẫu thuật nội nha - hàn ngược ống tủy	x	x		
36.	67.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement (GIC) kết hợp Composite	x	x		
37.	68.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	x	x	x	
38.	70.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement	x	x	x	x
39.	71.	Phục hồi cổ răng bằng Glasslonomer Cement	x	x	x	
40.	72.	Phục hồi cổ răng bằng Composite	x	x	x	
41.	76.	Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay	x	x		
42.	77.	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng bằng các vật liệu khác nhau	x	x		
43.	78.	Veneer Composite trực tiếp	x	x		
44.	79.	Tẩy trắng răng tủy sống có sử dụng đèn Plasma	x	x		
45.	80.	Tẩy trắng răng tủy sống bằng Led	x	x		
46.	81.	Tẩy trắng răng nội tủy	x	x		
47.	82.	Tẩy trắng răng tủy sống bằng máng thuốc	x	x	x	
48.	83.	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt	x	x	x	
49.	84.	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)	x	x	x	x
50.	85.	Chụp sứ kim loại thường gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x		
51.	86.	Chụp sứ Titanium gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x		
52.	87.	Chụp sứ kim loại quý gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x		
53.	88.	Chụp sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x		
54.	89.	Chụp sứ kim loại thường gắn bằng cement trên Implant	x	x		
55.	90.	Chụp sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant	x	x		
56.	91.	Chụp sứ kim loại quý gắn bằng cement trên Implant	x	x		
57.	92.	Chụp sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant	x	x		

58.	93.	Cầu sứ kim loại thường gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x		
59.	94.	Cầu sứ Titanium gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x		
60.	95.	Cầu sứ kim loại quý gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x		
61.	96.	Cầu sứ Cercon gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x		
62.	97.	Cầu sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên Implants	x	x		
63.	98.	Cầu sứ kim loại thường gắn bằng cement trên Implant	x	x		
64.	99.	Cầu sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant	x	x		
65.	100.	Cầu sứ kim loại quý gắn bằng cement trên Implant	x	x		
66.	101.	Cầu sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant	x	x		
67.	102.	Hàm giả toàn phần dạng cúc bấm tựa trên Implant	x	x		
68.	103.	Hàm giả toàn phần dạng thanh ngang tựa trên Implant	x	x		
69.	104.	Chụp nhựa	x	x	x	
70.	105.	Chụp kim loại	x	x	x	
71.	106.	Chụp hợp kim thường cần nhựa	x	x	x	
72.	107.	Chụp hợp kim thường cần sứ	x	x	x	
73.	108.	Chụp hợp kim Titanium cần sứ	x	x	x	
74.	109.	Chụp sứ toàn phần	x	x	x	
75.	110.	Chụp kim loại quý cần sứ	x	x	x	
76.	111.	Chụp sứ Cercon	x	x		
77.	112.	Cầu nhựa	x	x	x	
78.	113.	Cầu hợp kim thường	x	x	x	
79.	114.	Cầu kim loại cần nhựa	x	x	x	
80.	115.	Cầu kim loại cần sứ	x	x	x	
81.	116.	Cầu hợp kim Titanium cần sứ	x	x	x	
82.	117.	Cầu kim loại quý cần sứ	x	x	x	
83.	118.	Cầu sứ toàn phần	x	x	x	
84.	119.	Cầu sứ Cercon	x	x		
85.	120.	Chốt cùi đúc kim loại	x	x		
86.	121.	Cùi đúc Titanium	x	x		
87.	122.	Cùi đúc kim loại quý	x	x		
88.	123.	Inlay/Onlay kim loại	x	x		
89.	124.	Inlay/Onlay hợp kim Titanium	x	x		
90.	125.	Inlay/Onlay kim loại quý	x	x		
91.	126.	Inlay/Onlay sứ toàn phần	x	x		
92.	127.	Veneer Composite gián tiếp	x	x	x	
93.	128.	Veneer sứ toàn phần	x	x	x	
94.	129.	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường	x	x	x	x
95.	130.	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường	x	x	x	x
96.	131.	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo	x	x	x	
97.	132.	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo	x	x	x	

98.	133.	Hàm khung kim loại	x	x	x	
99.	134.	Hàm khung Titanium	x	x		
100.	135.	Máng hở mặt nhai	x	x		
101.	136.	Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng	x	x	x	x
102.	137.	Tháo cầu răng giả	x	x	x	
103.	138.	Tháo chụp răng giả	x	x	x	
104.	139.	Sửa hàm giả gãy	x	x	x	x
105.	140.	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp	x	x	x	x
106.	141.	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp	x	x	x	x
107.	142.	Đệm hàm nhựa thường	x	x	x	x
108.	143.	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút môi	x	x		
109.	144.	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi	x	x		
110.	145.	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút ngón tay	x	x		
111.	146.	Lấy lại khoảng bằng khí cụ cố định	x	x		
112.	147.	Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định nong nhanh	x	x		
113.	148.	Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định Quad-Helix	x	x		
114.	149.	Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ chức năng cố định Forsus	x	x		
115.	158.	Nắn chỉnh răng sử dụng neo chặn bằng Microimplant	x	x		
116.	159.	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ cố định	x	x		
117.	160.	Nắn chỉnh răng ngầm	x	x		
118.	161.	Nắn chỉnh răng lạc chỗ sử dụng khí cụ cố định	x	x		
119.	162.	Giữ khoảng răng bằng khí cụ cố định cung ngang vòm khẩu cái (TPA)	x	x		
120.	163.	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định Nance	x	x		
121.	164.	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định cung lưỡi (LA)	x	x		
122.	168.	Làm dài thân răng lâm sàng sử dụng khí cụ cố định	x	x		
123.	169.	Dán mắc cài trực tiếp sử dụng chất gắn hóa trùng hợp	x	x		
124.	170.	Dán mắc cài trực tiếp sử dụng chất gắn quang trùng hợp	x	x		
125.	171.	Gắn mắc cài mặt lưỡi bằng kỹ thuật gián tiếp	x	x		
126.	172.	Gắn mắc cài mặt ngoài bằng kỹ thuật gián tiếp	x	x		
127.	173.	Sử dụng mắc cài tự buộc trong nắn chỉnh răng	x	x		
128.	174.	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung bẻ Loop L hoặc dây cung đảo ngược	x	x		
129.	175.	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung tiện ích (Utility Archwire) và cung phụ làm lún răng cửa	x	x		
130.	176.	Làm trôi các răng hàm nhỏ hàm dưới sử dụng khí cụ gắn chặt	x	x		

131.	177.	Đóng khoảng răng sử dụng khí cụ cố định	x	x		
132.	178.	Điều chỉnh độ nghiêng răng bằng khí cụ cố định	x	x		
133.	180.	Đóng khoảng bằng khí cụ tháo lắp	x	x		
134.	181.	Nong rộng hàm bằng khí cụ tháo lắp	x	x		
135.	182.	Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ tháo lắp	x	x		
136.	183.	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ tháo lắp	x	x		
137.	184.	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ tháo lắp	x	x		
138.	185.	Giữ khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp	x	x		
139.	186.	Nắn chỉnh răng bằng hàm tháo lắp	x	x		
140.	187.	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng khí cụ tháo lắp tấm cắn (Bite plate) hoặc mặt phẳng cắn phía trước (Anterior plane)	x	x		
141.	188.	Đóng khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp	x	x		
142.	189.	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu mút môi	x	x		
143.	190.	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi	x	x		
144.	191.	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu mút ngón tay	x	x		
145.	192.	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu thở đường miệng	x	x		
146.	193.	Gắn band	x	x		
147.	194.	Máng điều trị đau khớp thái dương hàm	x	x		
148.	195.	Máng nâng khớp cắn	x	x		
149.	197.	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	x	x		
150.	198.	Phẫu thuật nhổ răng ngầm	x	x		
151.	199.	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên	x	x		
152.	200.	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới	x	x		
153.	203.	Nhổ răng vĩnh viễn	x	x	x	
154.	204.	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	x	x	x	
155.	205.	Nhổ chân răng vĩnh viễn	x	x	x	
156.	206.	Nhổ răng thừa	x	x	x	
157.	207.	Phẫu thuật nhổ răng có tạo hình xương ổ răng	x	x		
158.	208.	Phẫu thuật tạo hình xương ổ răng	x	x		
159.	209.	Phẫu thuật mở xương cho răng mọc	x	x		
160.	210.	Phẫu thuật nạo quanh cuống răng	x	x		
161.	211.	Phẫu thuật cắt cuống răng	x	x		
162.	212.	Phẫu thuật cắt, nạo xương ổ răng	x	x		
163.	213.	Cắt lợi xơ cho răng mọc	x	x	x	
164.	214.	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	x	x	x	
165.	215.	Cắt lợi di động để làm hàm giả	x	x		
166.	216.	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi	x	x		

167.	217.	Phẫu thuật cắt phanh môi	x	x		
168.	218.	Phẫu thuật cắt phanh má	x	x		
169.	220.	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng	x	x		
170.	221.	Điều trị viêm quanh thân răng cấp	x	x	x	
171.	222.	Trám bít hố rãnh với Glasslonomer Cement quang trùng hợp	x	x	x	
172.	224.	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	x	x	x	
173.	225.	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	x	x	x	
174.	226.	Trám bít hố rãnh bằng Glasslonomer Cement	x	x	x	x
175.	227.	Hàn răng không sang chấn với Glasslonomer Cement	x	x	x	x
176.	228.	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt	x	x	x	
177.	229.	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor	x	x	x	
178.	230.	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	x	x	x	
179.	231.	Lấy tủy buồng răng sữa	x	x	x	
180.	232.	Điều trị tủy răng sữa	x	x	x	
181.	233.	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit	x	x	x	
182.	234.	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA	x	x	x	
183.	236.	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Glasslonomer Cement	x	x	x	x
184.	237.	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn	x	x	x	
185.	238.	Nhổ răng sữa	x	x	x	x
186.	239.	Nhổ chân răng sữa	x	x	x	x
187.	240.	Chích Apxe lợi trẻ em	x	x	x	x
188.	241.	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)	x	x	x	x

### III - NHÂN SỰ THAM GIA KHÁM CHỮA BỆNH

STT	Họ và tên	Số CCHN/GPHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)	Ghi chú
1	Trương Thị Oanh Vũ	007297/QNA-CCHN (do Sở Y tế tỉnh Quảng Nam cấp ngày 05/03/2019)	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt  (Chứng chỉ Cấy ghép nha khoa - Chính hình răng mặt)	Thứ 2 đến Chủ Nhật 08 giờ - 20 giờ	Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật Phòng khám Răng Hàm Mặt  Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	Không	Nhân sự mới thay thế Bs. Đinh Lan Phương (đã được Sở Y tế phê duyệt
2	Lê Anh Khoa	5456/BTH-CCHN (do Sở Y tế tỉnh Bình Thuận cấp ngày 04/01/2022)	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt  (Chứng chỉ Cấy ghép nha khoa - Chính hình răng mặt)	Thứ 2 đến Chủ Nhật 08 giờ - 20 giờ	Bác sĩ điều trị Răng Hàm Mặt	Không	Đã được phê duyệt tại Phụ lục kèm theo GPHĐ số 1811/BRVT-GPHĐ ngày 14/05/2024
3	Trần Thị Hiền	010818/ĐNAI-CCHN (do Sở Y tế tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04/04/2017)	Thực hiện theo thông tư số 26/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hộ sinh kỹ thuật y	Thứ 2 đến Chủ Nhật 08 giờ - 20 giờ	Điều dưỡng	Không	Đã được phê duyệt tại Phụ lục kèm theo GPHĐ số 1811/BRVT-GPHĐ ngày



4	Trần Thị Kim Thắm	038619/HMC-CCHN (do Sở Y tế TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 30/12/2016)	Thực hiện theo thông tư số 26/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hộ sinh kỹ thuật y	Thứ 2 đến Chủ Nhật 08 giờ - 20 giờ	Điều dưỡng	Không	Đã được phê duyệt tại Phụ lục kèm theo GPHĐ số 1811/BRVT-GPHĐ ngày
5	Nguyễn Thị Đoàn Trang	005363/BRVT-CCHN (do Sở Y tế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 15/02/2022)	Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27 tháng 05 năm 2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội Vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Y sĩ	Thứ 2 đến Chủ Nhật 08 giờ - 20 giờ	Điều dưỡng	Không	Nhân sự bổ sung mới
6	Nguyễn Thị Tường Vân	004108/BRVT-CCHN (do Sở Y tế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 02/11/2018)	Thực hiện theo thông tư số 26/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Thứ 2 đến Chủ Nhật 08 giờ - 20 giờ	Điều dưỡng	Không	Nhân sự bổ sung mới

#### IV - NHÂN SỰ NGỪNG HÀNH NGHỀ

STT	Họ và tên	Số CCHN/GPHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký	Vị trí chuyên môn	Ghi chú
1	Đinh Lan Phương	004363/BRVT-CCHN <i>cấp ngày 04/10/2017)</i>	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	Thứ 2 đến Chủ Nhật 08 giờ - 20 giờ	Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật Phòng khám Răng Hàm Mặt Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	Người PTCM tại GPĐĐ số 1811/BRVT-GPHĐ cấp ngày 14/5/2024 Ngưng hành nghề